

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Ông Phùng Đình Thực	Chủ tịch (nghỉ hưu ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Đỗ Văn Hậu	Thành viên phụ trách (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Ông Phan Đình Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Vũ Khánh Trường	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Hậu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2013)
Ông Ninh Văn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2014)
Bà Trần Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 8 năm 2013)
Bà Phạm Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 8 năm 2013)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 01 năm 2014)

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn đã phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vào ngày 10 tháng 4 năm 2014.

Theo Quyết định số 4359/QĐ-DKVN ngày 27 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí ("PVEP") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại so với báo cáo tài chính của PVEP phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2014.

Do các điều chỉnh tại báo cáo tài chính của PVEP nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn quyết định điều chỉnh một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo những thay đổi này đồng thời thực hiện phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Hậu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>327.744.994</b>	<b>275.682.771</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>133.142.982</b>	<b>105.373.008</b>
1. Tiền	111		34.359.066	37.338.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		98.783.916	68.034.442
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>71.947.778</b>	<b>52.237.781</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		74.422.775	54.623.873
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.474.997)	(2.386.092)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.780.476</b>	<b>75.006.320</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	47.961.568	53.007.280
2. Trả trước cho người bán	132		6.356.979	6.804.162
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		575.610	492.235
4. Các khoản phải thu khác	135	8	28.876.638	16.289.497
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.990.319)	(1.586.854)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>37.330.726</b>	<b>35.014.165</b>
1. Hàng tồn kho	141		38.462.684	35.631.230
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.131.958)	(617.065)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.543.032</b>	<b>8.051.497</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		877.278	533.254
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.323.906	3.119.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	21	372.473	2.062.929
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.969.375	2.335.779

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 54 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>381.786.696</b>	<b>355.408.129</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>239.957</b>	<b>50.985</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		198.546	2.435
2. Phải thu dài hạn khác	218		54.798	56.059
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(13.387)	(7.509)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>182.566.621</b>	<b>183.484.665</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	128.785.322	121.190.418
- Nguyên giá	222		189.927.512	169.162.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.142.190)	(47.971.698)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		197.211	300.796
- Nguyên giá	225		344.280	396.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(147.069)	(96.012)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.467.161	3.865.187
- Nguyên giá	228		5.252.930	4.432.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(785.769)	(567.678)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	49.116.927	58.128.264
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>575.764</b>	<b>565.925</b>
- Nguyên giá	241		636.907	606.477
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(61.143)	(40.552)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>58.439.749</b>	<b>45.130.339</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	9.351.215	4.922.449
2. Góp vốn liên doanh	253	15	23.783.691	18.600.602
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	25.974.599	21.964.895
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(669.756)	(357.607)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>138.242.661</b>	<b>125.248.606</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	75.947.257	53.338.488
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32	292.719	400.450
3. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí		18	30.701.606	21.036.432
4. Chi phí phát triển mỏ		19	31.027.693	50.225.576
5. Tài sản dài hạn khác	268		273.386	247.660
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>1.721.944</b>	<b>927.609</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>709.531.690</b>	<b>631.090.900</b>

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 54 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
			Triệu VND	Triệu VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>323.203.342</b>	<b>284.420.092</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>209.538.722</b>	<b>166.841.020</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	104.682.459	78.952.203
2. Phải trả người bán	312		34.776.506	33.365.600
3. Người mua trả tiền trước	313		2.901.192	2.614.087
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	17.357.385	17.953.862
5. Phải trả người lao động	315		2.207.902	1.714.947
6. Chi phí phải trả	316	22	20.945.433	12.651.210
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		20.511	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	22.883.037	16.866.007
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.984.282	1.990.815
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		780.015	732.289
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>113.664.620</b>	<b>117.579.072</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		2.680	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		418.397	2.248.526
3. Vay và nợ dài hạn	334	24	95.070.324	104.355.607
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	32	12.891.259	7.872.718
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	12.374
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		969.748	183.855
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.063.968	1.019.548
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.567.322	2.071.383
9. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		(319.078)	(184.939)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>351.816.033</b>	<b>317.960.163</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>351.227.457</b>	<b>317.612.210</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		177.628.384	177.628.384
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		13.885.882	13.832.968
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.501.136	(147.780)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		107.718.164	57.078.295
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.639.975	22.622.940
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15.663.049	13.372.971
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.008.832	32.253.953
8. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		607.129	650.155
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		5.574.906	320.324
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>588.576</b>	<b>347.953</b>
1. Nguồn kinh phí	432		119.629	4.106
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		468.947	343.847
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>34.512.315</b>	<b>28.710.645</b>
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		34.512.315	28.710.645
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>709.531.690</b>	<b>631.090.900</b>

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 54 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Triệu VND	1.406.806	1.487.011
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Triệu VND	31.126	14.067
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	740.496.394	347.267.128
Dinar Algeria	DZD	64.744.136	63.593.207
Yên Nhật	JPY	6.225.959	-
Euro	EUR	2.784.640	556.163
Đồng Venezuela	VEF	211.783	-
Đô la Singapore	SGD	21.005	14.021
Bảng Anh	GBP	10.698	492
Crown Na Uy	NOK	-	3.658



**Đỗ Văn Hậu**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Lê Đình Mậu**  
Kế toán trưởng  
Trưởng ban Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán

**Trần Thị Mai Trang**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
			Triệu VND	Triệu VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	406.106.036	372.180.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	16.445.705	9.301.682
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	389.660.331	362.879.083
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	301.442.183	291.596.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	26	88.218.148	71.282.535
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	12.050.222	12.492.288
7. Chi phí tài chính	22	28	13.901.412	10.364.549
8. Chi phí bán hàng	24		5.596.771	5.278.341
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.555.083	10.514.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		66.215.104	57.617.455
11. Thu nhập khác	31	29	2.460.644	6.286.857
12. Chi phí khác	32	30	1.439.032	5.458.725
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.021.612	828.132
14. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh	41		3.391.410	3.136.059
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		70.628.126	61.581.646
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	19.297.746	17.848.052
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	5.126.272	1.297.323
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		46.204.108	42.436.271
<i>Phân phối cho:</i>				
Cổ đông của Tập đoàn	61		43.504.222	39.814.708
Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		2.699.886	2.621.563



**Đỗ Văn Hậu**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Lê Đình Mậu**  
Kế toán trưởng  
Trưởng ban Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán

**Trần Thị Mai Trang**  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 54 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
		Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>70.628.126</b>	<b>61.581.646</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.999.221	13.228.892
- Phân bổ chi phí thăm dò và phát triển dầu khí		7.400.318	9.033.569
- Các khoản dự phòng	03	3.325.290	1.426.112
- (Lãi) thanh lý tài sản cố định		(113.936)	(223.406)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.897.126	1.704.753
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.583.960)	(13.436.048)
- Chi phí lãi vay	06	5.484.725	4.754.534
- Ghi giảm chi phí thăm dò theo phê duyệt quyết toán		3.728.017	6.329.431
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>93.764.927</b>	<b>84.399.483</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	918.974	5.124.698
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.831.454)	5.330.169
- Thay đổi các khoản phải trả	11	22.102.553	(14.003.440)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	6.514.245	2.191.156
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.249.216)	(4.547.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.762.428)	(22.941.216)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>97.457.601</b>	<b>55.553.662</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.133.392)	(29.021.551)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	476.150	165.948
3. Thay đổi các khoản đầu tư		(37.029.051)	(10.852.230)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.609.743	10.268.317
5. Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(30.862.241)	(43.356.115)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(65.938.791)</b>	<b>(72.795.631)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Ngân sách Nhà nước cấp vốn	31	3.815.000	12.811.000
2. Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	32	(13.738.176)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	164.596.303	131.975.650
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(158.421.963)	(118.185.652)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.748.836)</b>	<b>26.600.998</b>

*Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 54 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
		Triệu VND	Triệu VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	27.769.974	9.359.029
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	105.373.008	96.013.979
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	133.142.982	105.373.008



Đỗ Văn Hậu  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2014



Lê Đình Mậu  
Kế toán trưởng  
Trưởng ban Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán



Trần Thị Mai Trang  
Người lập biểu